

Bản tin chứng khoán

Trong số này

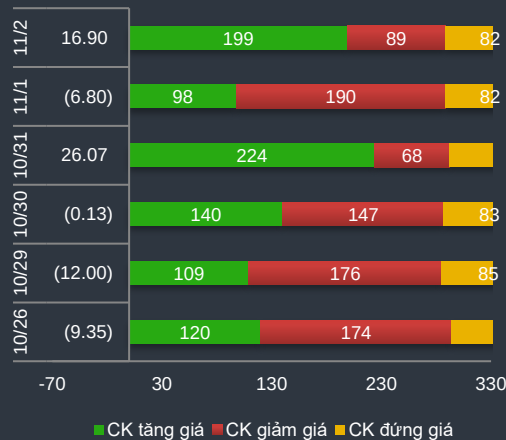
Nhận định **P.1**

Bộ lọc CP **P.2**

Note doanh nghiệp **P.3**

Kết quả kinh doanh Q2 **P.5**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VJC	19.4
MSN	10.5
DXG	9.0
VEA	6.3
PVS	4.1
VCI	3.9
VSC	3.0
GMD	2.5
HVN	1.9
SCS	1.9
PVD	(12.9)
GAS	(13.8)
SSI	(16.1)
HDB	(18.1)
NVL	(26.0)
HSG	(55.5)
VNM	(70.3)
VIC	(80.0)

Phiên cuối tuần tiếp tục khởi sắc đưa chỉ số Vnindex vững chắc vượt lên trở lại sát 930. Như vậy trong tuần vừa qua với chỉ hai phiên xanh điểm nhưng chỉ số Vnindex đã phục hồi hơn 35 điểm so với cuối tuần trước. Nhiều cổ phiếu đã hồi phục từ 3% - 10% trong đó nổi bật một số cổ phiếu như BID, VHM, TCM. Đây cũng là một trong những cổ phiếu mất giá nặng nhất trong đợt downtrend vừa qua. Ngược lại một số cổ phiếu tiếp tục dò đáy sâu hơn do kết quả kinh doanh yếu kém như HSG, NKG, ABT.

Sự lạc quan lan rộng và dòng tiền tăng dần trước tiên là nhờ xu hướng tăng tích cực của thị trường Mỹ tuần qua và nổi bật là cuộc điện đàm giữa hai lãnh đạo cao nhất Mỹ - Trung gợi mở niềm hy vọng hạ nhiệt cuộc chiến thương mại giữa hai nước. Trước cuộc đàm phán sắp tới, có thể thấy rõ lợi thế đang nghiêng về phía Mỹ nhiều hơn và khả năng TQ sẽ phải chịu nhượng bộ nếu không muốn thiệt hại nặng nề hơn. Tuy nhiên không thể quá lạc quan với những chính sách và phát ngôn thay đổi liên tục của chính quyền Trump trong thời gian qua.

Chúng tôi vẫn duy trì đánh giá đợt phục hồi ngắn hạn của thị trường sẽ xoay quanh ngưỡng 930 - 940 như đã đề cập trong bản tin tuần trước. Đợt phục hồi tuần qua là cơ hội để nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục và giảm dần tỷ trọng margin cao. Ít nhất trong ngắn hạn vùng giá hỗ trợ 960 - 980 được bảo toàn. PE trung bình thị trường hiện ở mức khá hấp dẫn quanh 15 vì vậy với các đợt điều chỉnh nhà đầu tư có thể gia tăng trạng thái mua vào.



Vnindex 924.86

▲ 16.90 (+1.86)

Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
BID	110,937	32.5	6.92
VHM	241,165	72.0	4.35
HNG	13,081	14.8	4.24
PNJ	15,971	98.5	3.68
VNM	206,359	118.5	3.67
REE	9,922	32.0	3.56
PLX	69,645	60.1	3.44
CTD	11,861	151.5	3.06
MSN	98,286	84.5	3.05
SSI	14,376	28.8	2.86
CTG	87,500	23.5	2.84
ROS	22,051	38.9	2.51
VPB	51,592	21.0	2.44
FPT	26,321	42.9	2.39
VCB	202,195	56.2	2.18
HDB	32,863	33.5	1.98
TCB	93,009	26.6	1.92
MWG	36,319	112.5	1.81
STB	22,365	12.4	1.64
MBB	47,098	21.8	1.40
VRE	56,367	29.7	1.37
VJC	73,388	135.5	1.27
GAS	196,563	102.7	1.18
HPG	84,956	40.0	1.01
VIC	306,396	96.0	0.52
NVL	65,006	71.1	0.14
EIB	16,843	13.7	-
SAB	142,364	222.0	-
DHG	10,957	83.8	-
BHN	19,726	85.1	(1.62)
KDH	12,897	31.2	(1.74)
BVH	67,145	95.8	(2.74)
TPB	15,980	24.0	(6.80)

Một số cổ phiếu lưu ý:

Chúng tôi lưu ý nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn đáng quan tâm nhất trong đó nổi bật là các cổ phiếu VCB, MBB, STB và BID. Phần còn lại nhiều cổ phiếu đầu ngành cũng đáng quan tâm nhờ vùng giá đã giảm đáng kể trong khi tiếp tục đà tăng trưởng như CTD, STK, TV2, SSI, VHM.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Đáy thấp nhất 6 tháng	RSI	StochK	Hỗ trợ mạnh
BID	32.5	6.2%	21.6	62.1	66.3	27 - 28
CTD	151.5	6.7%	118.1	69.5	91.6	140
TV2	108.2	-8.3%	84.6	30.1	44.8	100
MWG	112.5	4.2%	100.1	47.9	73.2	105
DXG	26.1	4.0%	20.1	58.8	66.6	22
PVS	18.7	9.4%	13.8	58.2	81.5	17
STB	12.4	0.8%	9.7	48.2	59.1	11.5 - 12
MBB	21.8	3.8%	19.4	62.1	76.9	20 - 21
SSI	28.8	4.7%	25.0	55.9	78.6	25 - 27
VCB	56.2	5.0%	46.2	58.8	73.8	50 - 52
VHM	72	10.8%	61.8	65.0	79.9	60 - 62
ACB	30.4	7.4%	26.0	60.5	83.9	28 - 29
TCB	26.6	2.7%	24.8	48.5	72.4	25

Báo cáo tài chính các DN:

Đã có hơn 800 doanh nghiệp công bố báo cáo tài chính Q3. Trong đó riêng sàn HOSE đã có 90% doanh nghiệp ra báo cáo với doanh thu quý 3 tăng trưởng 14% và lợi nhuận sau thuế 21%. Tốc độ tăng trưởng có tăng chậm trong Q3 do yếu tố mùa vụ nhưng kết quả chung cho thấy vẫn rất tốt so với cùng kỳ các năm trước. Còn tính chung 9 tháng đầu năm doanh thu chung của các doanh nghiệp sàn HOSE tăng trưởng 20% và Lợi nhuận tăng đến 27.7%. Trong đó những ngành mang lại lợi nhuận nhiều nhất như Ngân hàng, Bất động sản, thực phẩm đều có mức tăng trưởng lợi nhuận trên 30%. Cá biệt lợi nhuận của VHM đã gây ảnh hưởng lớn lên toàn ngành bất động sản nhờ lợi nhuận tăng gấp 4 lần lên gần 12 ngàn tỷ. Một số doanh nghiệp BĐS khác cũng có kết quả 9 tháng lạc quan như DXG, NLG, PDR, SCR.



Lợi nhuận của 885 doanh nghiệp theo ngành (tỷ VNĐ)

Thống kê cập nhật 885 doanh nghiệp trên 3 sàn:

Tổng Doanh Thu 9 tháng: 1,756,996 tỷ đồng – tăng 25% yoy

Tổng Lợi Nhuận 9 tháng: 189,727 tỷ đồng – tăng 27% yoy

Ngành	DT 9T.2018	DT 9T.2017	%YoY	LN 9T.2018	LN 9T.2017	% YoY3
Ngân hàng				50,276	36,126	39.2%
Bất động sản	171,042	109,889	55.6%	24,678	11,821	108.8%
Thực phẩm và đồ uống	198,514	179,449	10.6%	23,972	20,444	17.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112,539	93,188	20.8%	18,013	13,763	30.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	126,250	106,295	18.8%	14,783	11,002	34.4%
Tài nguyên Cơ bản	151,092	125,386	20.5%	8,507	8,651	-1.7%
Dầu khí	289,727	183,295	58.1%	8,467	8,475	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	157,030	141,269	11.2%	8,355	10,734	-22.2%
Du lịch và Giải trí	125,644	97,990	28.2%	6,595	5,910	11.6%
Dịch vụ tài chính	15,084	10,231	47.4%	4,518	3,477	29.9%
Hóa chất	70,328	52,585	33.7%	4,412	3,299	33.7%
Hóa chất	70,328	52,585	33.7%	4,412	3,299	33.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	69,767	60,424	15.5%	3,399	2,807	21.1%
Bán lẻ	98,045	76,343	28.4%	2,740	2,166	26.5%
Công nghệ Thông tin	22,985	36,322	-36.7%	2,082	1,730	20.3%
Y tế	31,824	28,625	11.2%	1,942	1,796	8.2%
Bảo hiểm				1,865	2,140	-12.9%
Ô tô và phụ tùng	23,594	25,064	-5.9%	492	390	26.1%
Truyền thông	3,633	2,833	28.2%	250	160	55.6%
Viễn thông	19,570	22,576	-13.3%	-31	1,142	
Tổng Cộng	1,756,996	1,404,349	25.1%	189,727	149,330	27.1%



Tổng hợp kết quả kinh doanh một số doanh nghiệp đạt kết quả tốt 9 tháng đầu năm:

Cổ Phiếu	Giá	Sàn	Ngành	Doanh thu 9T.2018	% DT Yoy	Lợi Nhuận 9T.2018	% LN YoY	EPS	PE
TTH	4.6	HNX	Bán lẻ hàng may mặc	166.9	27.7%	38.3	121.3%	1,648	2.8
BTT	40.95	HOSE	Bán lẻ phức hợp	264.4	2.7%	36.2	45.8%	3,531	11.6
CLX	11	UPCOM	Bất động sản	323.4	16.2%	89.0	388.7%	1,175	9.4
CSC	31.7	HNX	Bất động sản	243.3	52.9%	118.8	239.2%	14,642	2.2
DIG	13.65	HOSE	Bất động sản	1,630.1	87.0%	124.8	223.3%	603	22.6
DXG	22.75	HOSE	Bất động sản	3,236.6	93.1%	750.2	63.3%	3,042	7.5
IJC	8.07	HOSE	Bất động sản	958.8	48.0%	199.2	39.5%	1,778	4.5
ITA	2.77	HOSE	Bất động sản	435.8	23.0%	126.7	230.3%	61	45.4
LDG	14	HOSE	Bất động sản	605.2	38.7%	277.0	48.7%	1,979	7.1
LHG	18.6	HOSE	Bất động sản	295.5	64.6%	135.3	148.1%	5,144	3.6
NDN	13.5	HNX	Bất động sản	161.7	28.8%	82.6	56.7%	2,624	5.1
NLG	27.4	HOSE	Bất động sản	2,740.5	67.4%	635.1	80.5%	4,378	6.3
NTC	71	UPCOM	Bất động sản	120.8	18.8%	144.2	46.7%	11,775	6.0
SJS	14.95	HOSE	Bất động sản	121.5	173.9%	63.9	188.0%	1,313	11.4
SDG	29.9	HNX	Containers & Đóng gói	524.2	198.9%	36.3	71.4%	5,042	5.9
VSA	18	HNX	Dịch vụ vận tải	656.6	9.2%	39.1	59.3%	4,193	4.3
IFS	12	UPCOM	Đồ uống & giải khát	1,123.6	13.9%	144.0	46.6%	1,874	6.4
VCF	161.5	HOSE	Đồ uống & giải khát	2,267.8	10.5%	431.4	169.9%	23,926	6.7
AMV	32.4	HNX	Dược phẩm	164.2	1466.2%	94.7	9285.5%	4,874	6.6
DHT	41.5	HNX	Dược phẩm	1,281.8	17.9%	60.2	37.1%	4,447	9.3
DP3	83	HNX	Dược phẩm	361.9	44.4%	81.0	200.8%	14,072	5.9
YEG	279.3	HOSE	Giải trí & Truyền thông	1,034.8	110.7%	112.8	238.7%	2,474	112.9
PNJ	91.6	HOSE	Hàng cá nhân	10,507.7	35.5%	694.4	37.8%	5,651	16.2
VJC	126	HOSE	Hàng không	33,934.8	50.1%	3,681.3	33.2%	8,715	14.5
HTG	19.8	UPCOM	Hàng May mặc	3,364.6	14.6%	73.9	63.4%	4,824	4.1
STK	17.85	HOSE	Hàng May mặc	1,780.9	24.4%	131.4	96.5%	2,706	6.6
TNG	15.4	HNX	Hàng May mặc	2,726.6	47.6%	130.5	49.0%	3,203	4.8
VGT	11.3	UPCOM	Hàng May mặc	14,441.4	10.7%	409.0	50.8%	947	11.9
MSR	21.5	UPCOM	Khai khoáng	4,687.9	19.4%	339.7	247.3%	493	43.6
YBM	18.4	HOSE	Khai khoáng	238.4	56.0%	32.7	94.7%	2,958	6.2
NBC	6.4	HNX	Khai thác Than	1,552.1	44.3%	37.7	73.0%	2,414	2.7
TVD	5.3	HNX	Khai thác Than	3,165.8	63.2%	40.3	185.7%	1,247	4.3
ACV	79	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,945.8	15.7%	4,945.0	68.1%	2,559	30.9
VEA	32.6	UPCOM	Máy công nghiệp	4,681.9	12.2%	4,843.7	35.4%	3,797	8.6

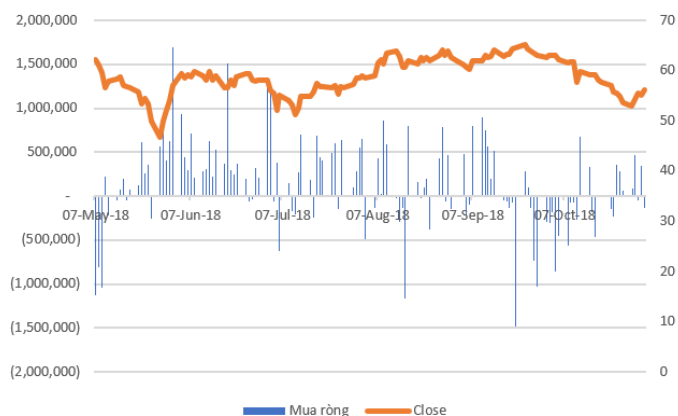
BSI	10.7	HOSE	Môi giới chứng khoán	752.9	85.8%	204.0	39.5%	2,145	5.0
CTS	11.95	HOSE	Môi giới chứng khoán	474.0	151.2%	148.6	99.2%	1,728	6.9
FTS	16.15	HOSE	Môi giới chứng khoán	320.2	49.6%	170.6	45.7%	2,129	7.6
HCM	53.3	HOSE	Môi giới chứng khoán	1,947.7	124.5%	603.4	64.0%	6,093	8.7
MBS	15	HNX	Môi giới chứng khoán	816.6	52.9%	177.0	823.0%	1,488	10.1
VCI	50.9	HOSE	Môi giới chứng khoán	1,414.3	41.2%	691.3	45.6%	5,375	9.5
VIX	8.7	HNX	Môi giới chứng khoán	363.0	50.6%	204.6	435.1%	3,022	2.9
PVM	10.2	UPCOM	Nhà cung cấp thiết bị	799.0	9.5%	30.4	38.3%	954	10.7
BWE	19.55	HOSE	Nước	1,591.4	27.5%	231.2	89.0%	2,099	9.3
TDM	18.7	HOSE	Nước	201.8	45.3%	90.7	124.6%	1,642	11.4
ABT	41	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	308.0	8.1%	54.8	250.6%	5,789	7.1
ANV	23.6	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	2,734.7	30.0%	303.4	254.0%	2,796	8.4
CMX	11.5	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	802.9	16.1%	58.9	264.0%	4,987	2.3
DAT	18.15	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	1,116.4	17.0%	34.1	93.7%	954	19.0
DBC	27.2	HNX	Nuôi trồng nông & hải sản	4,847.7	14.6%	246.6	81.3%	3,795	7.2
IDI	12.25	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	4,265.2	12.8%	454.9	105.9%	3,210	3.8
VHC	90	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	6,569.3	9.6%	1,036.0	153.1%	13,203	6.8
SRA	60.8	HNX	Phần mềm	185.9	1942.9%	59.5	4506.8%	34,684	1.8
DGW	23.5	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	4,382.7	62.6%	78.3	37.9%	2,504	9.4
MWG	107.1	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	65,478.0	37.5%	2,186.7	33.8%	8,488	12.6
GAS	99	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	56,613.9	19.2%	8,879.8	50.3%	6,557	15.1
PGD	38.4	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	6,004.1	20.8%	197.0	59.1%	3,132	12.3
DGC	44.4	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	4,327.3	58.2%	620.6	286.8%	6,893	6.4
HVT	48.5	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	712.9	20.6%	65.5	77.7%	9,085	5.3
VET	63.9	UPCOM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	650.4	2.1%	57.2	44.1%	5,400	11.8
DNH	20.7	UPCOM	Sản xuất & Phân phối Điện	1,596.3	31.6%	801.0	81.2%	2,399	8.6
KHP	10.25	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	3,406.6	19.8%	63.9	125.4%	1,952	5.3
TMP	33	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	626.8	15.8%	313.6	31.6%	5,526	6.0
SMB	32	HOSE	Sản xuất bia	1,090.7	47.4%	117.0	47.4%	5,519	5.8
CAP	37.4	HNX	Sản xuất giấy	310.6	50.3%	33.5	129.8%	6,629	5.6
DHC	39.3	HOSE	Sản xuất giấy	679.4	18.2%	103.7	129.2%	4,026	9.8
DNS	12	UPCOM	Thép và sản phẩm thép	1,216.6	18.3%	42.9	113.8%	2,261	5.3
HMC	14.55	HOSE	Thép và sản phẩm thép	2,867.7	41.5%	72.4	61.8%	5,151	2.8
PVB	17.8	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	187.7	153.5%	30.1	70.5%	3,128	5.7
ST8	16.5	HOSE	Thiết bị văn phòng	1,340.0	3.1%	31.2	39.5%	1,311	12.6
APF	34	UPCOM	Thực phẩm	2,543.7	20.6%	79.1	87.4%	5,160	6.6
MCH	86	UPCOM	Thực phẩm	11,659.2	32.6%	2,483.7	96.0%	5,527	15.6
GSP	13.5	HOSE	Vận tải Thủy	1,234.1	37.4%	48.7	34.6%	2,148	6.3
PVT	16.95	HOSE	Vận tải Thủy	5,611.3	26.2%	422.6	64.8%	2,067	8.2
HT1	11.8	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	6,059.6	1.3%	441.6	38.4%	1,560	7.6
TTN	5.4	UPCOM	Viễn thông cố định	127.3	33.9%	32.6	107.6%	1,952	2.8
PC1	22.9	HOSE	Xây dựng	3,578.2	55.5%	410.9	127.8%	3,098	7.4
PHC	14	HOSE	Xây dựng	1,940.1	44.8%	38.9	134.6%	1,788	7.8
SNZ	11	UPCOM	Xây dựng	2,964.3	19.4%	330.8	31.3%	1,131	9.7
VCP	33	UPCOM	Xây dựng	432.0	88.7%	170.6	132.8%	4,777	6.9



Thông tin giao dịch nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (đang nắm giữ)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS
VCB	HOSE	56.2	1,136,910	16.73	3.29	170,230	302,950	748,713,187	202,195	20.8%	3,359
CTG	HOSE	23.5	4,558,920	11.38	1.25	132,350	312,690	1,116,889,016	87,500	30.0%	2,064
BID	HOSE	32.45	3,469,490	13.33	2.07	1,020,620	77,000	92,524,472	110,937	2.7%	2,435
MBB	HOSE	21.8	4,290,860	9.31	1.42	-	-	432,090,274	47,098	20.0%	2,341
TCB	HOSE	26.6	5,938,790	10.61	1.88	4,890,000	4,890,000	786,733,236	93,009	22.5%	2,507
VPB	HOSE	21	2,927,270	7.77	1.66	348,050	348,050	570,052,382	51,592	23.2%	2,703
STB	HOSE	12.4	6,058,610	17.54	0.98	5,500	149,220	228,514,815	22,365	12.7%	707
EIB	HOSE	13.7	133,200	12.49	1.11	-	2,050	369,479,457	16,843	30.1%	1,097
HDB	HOSE	33.5	3,382,980	13.63	2.06	683,680	1,227,450	268,037,174	32,863	27.3%	2,458
TPB	HOSE	24	511,310	10.46	1.58	-	-	145,468,410	15,980	21.8%	2,294
SHB	HNX	7.7	5,316,854	5.90	0.58	10,400	-	114,091,189	9,264	9.5%	1,306
ACB	HNX	30.4	4,396,028	7.84	1.75	-	-	386,576,321	37,914	31.0%	3,875
NVB	HNX	9.6	1,606,100	102.23	0.90	-	-	99,475	2,858	0.0%	94
LPB	UPCOM	9.2	765,530	6.70	0.69	200,000	250,000	37,238,676	6,900	5.0%	1,374
BAB	UPCOM	20.4	7,800	16.34	1.63	-	-	1,138,530	11,220	0.2%	1,248
VIB	UPCOM	26.8	33,570	7.55	1.49	-	-	115,710,712	14,272	21.7%	3,548
KLB	UPCOM	10.5	2,010	14.65	0.92	-	-	57,001,000	3,359	17.8%	717

Mua bán ròng khối ngoại - VCB



Mua bán ròng khối ngoại - STB



HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Cổ phiếu Quan tâm

Top tăng giá HOSE

TSC	6.08
ACL	6.23
SHA	6.43
LDG	6.69
FIT	6.73
SJF	6.80
OGC	6.82
UDC	6.88
GMC	6.90
BID	6.92
QCG	6.97
TTF	6.98
KMR	6.98

Top tăng giá HNX

HUT	6.38
SRA	6.83
TNG	7.93
VCS	8.33
SCJ	8.57
CMI	9.09
PVX	9.09
UNI	9.09
VGS	9.21
DTD	9.55
AAV	9.57
CVN	9.78
HKB	10.00
SPI	11.11
NHP	12.50

PVX - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Quý 3/2018, doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 632 tỷ đồng, giảm gần 20% so với cùng kỳ năm trước. Sau khi trừ chi phí PVX tiếp tục báo lỗ hơn 65 tỷ đồng trong khi cùng kỳ công ty chỉ lỗ gần 42 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần của PVX giảm 12% so với cùng kỳ năm 2018 về mức 2.211,6 tỷ đồng và lỗ trên 179 tỷ đồng nặng hơn con số 140 tỷ đồng của cùng kỳ. Lỗ lũy kế của PVX theo đó tiếp tục tăng lên mức 3.487 tỷ đồng.

ASM - CTCP Tập đoàn Sao Mai - Đã công bố BCTC hợp nhất quý 3/2018 với lãi ròng gần 105 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2017. Lũy kế 9 tháng đạt mức 957 tỷ đồng, gấp hơn 6 lần cùng kỳ năm trước cho thấy tín hiệu rất khả quan.

NVT - CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay – Quý 3/2018 ghi nhận doanh thu hơn 217 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gần 34 tỷ đồng, thực hiện được gần 89% kế hoạch doanh thu và vượt 36% kế hoạch LNST năm 2018. LNST của cổ đông công ty mẹ đạt gần 8 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ âm 302 tỷ đồng.

VHM - CTCP Vinhomes - Đã công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2018, theo đó, lãi ròng 9 tháng đầu năm đạt gần 11.887 tỷ đồng, gấp 5 lần cùng kỳ năm trước.

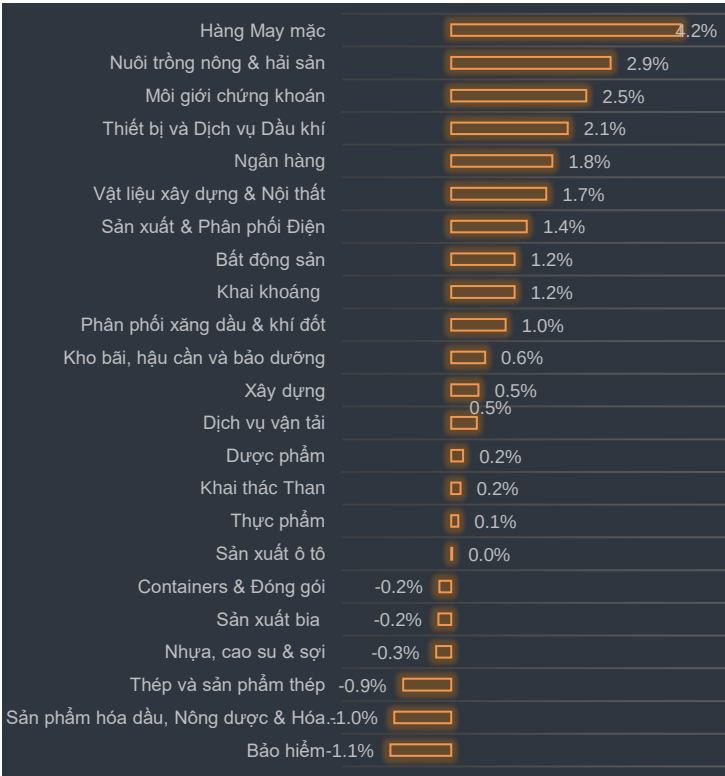
HDG - CTCP Tập đoàn Hà Đô - Đã công bố BCTC hợp nhất quý 3/2018 với lãi ròng đạt mức 103 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế lũy kế 9 tháng đạt mức 224 tỷ đồng, gấp hơn 12 lần cùng kỳ năm 2017 nhưng chỉ mới đạt 30% kế hoạch đề ra.

GMD - CTCP Gemadept - Đã công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2018 với doanh thu giảm 29% so cùng kỳ năm trước xuống 699 tỷ đồng. Nhưng lợi nhuận công ty tăng 19% so với cùng kỳ lên 173 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng kể từ đầu năm, doanh thu thuần GMD giảm 30% xuống 1.999 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế GMD ở mức 1.727 tỷ đồng, gấp 4,6 lần cùng kỳ.

AAM - CTCP Thủy sản Mekong - Ngày 07/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 08/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/11/2018.

LBM - CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng - Ngày 14/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 15/11.

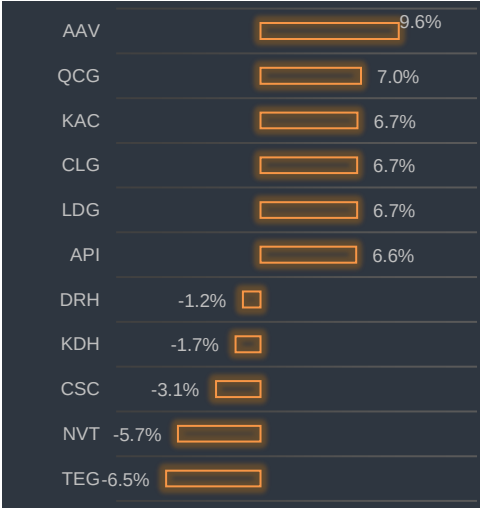
Tăng giảm ngành trong ngày



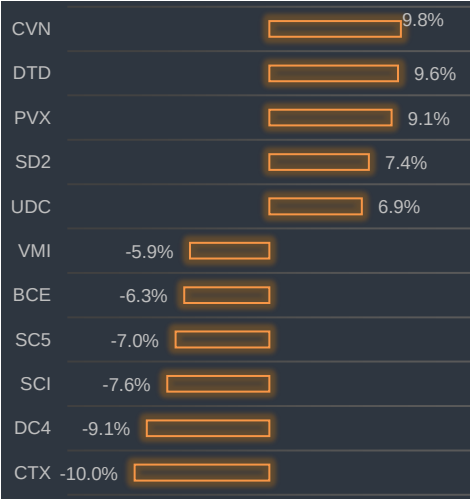
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	AAV, QCG, KAC
Xây dựng:	CVN, DTD, PVX
Dầu khí:	PVS, PGD, PVB
Chứng khoán:	FTS, HCM, BSI
Ngân hàng:	BID, ACB, CTG

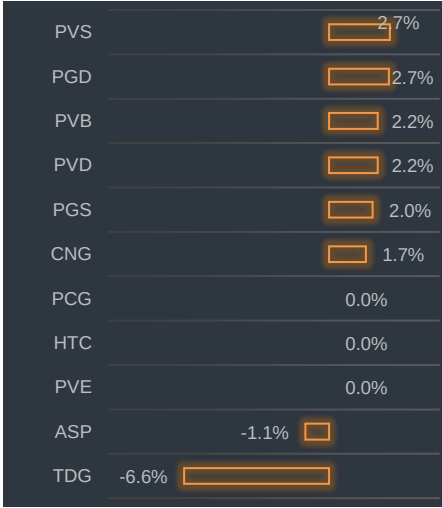
Bất động sản



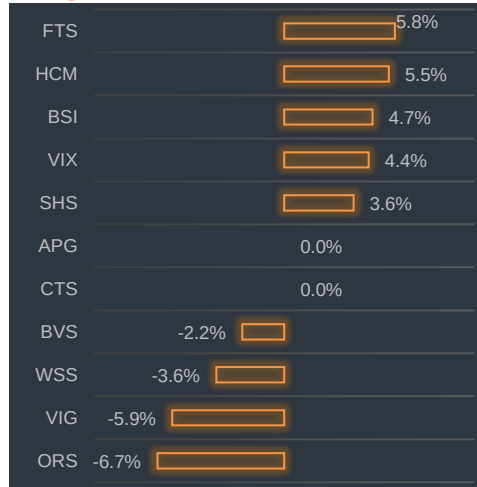
Xây dựng



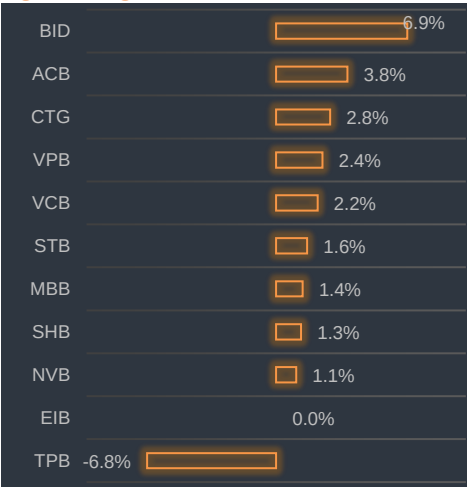
Dầu khí



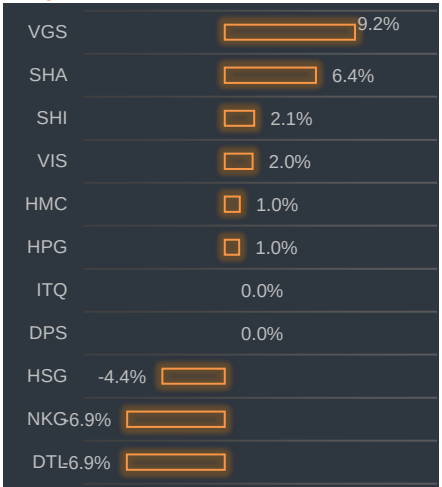
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931